

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 10 – 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Tiến Thịnh;

Bà Hoàng Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 06/12/1966 tại Thái Bình

Nơi cư trú: tổ 04, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 04/10.

Con ông Nguyễn Ngọc Đ (Đã chết) và bà Trần Thị H (Đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Quyết định số 501 ngày 14/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình về việc áp dụng biện pháp đưa Nguyễn Ngọc Đ vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 08/7/2009 đến ngày 08/7/2010 chấp hành xong.

- Quyết định số 196 ngày 15/5/2011 của Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Ngọc Đ về hành vi Trộm cắp tài sản. Hình thức phạt: Cảnh cáo.

- Quyết định số 31 ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng, kể từ ngày 05/4/2019 đến ngày 26/11/2020 chấp hành xong.

- Bản án số 52/HSST ngày 08/08/1995 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình). Xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, thời hạn tù tính từ ngày 22/03/1995, sung công quỹ Nhà nước số tiền 62.500 đồng, 50.000 đồng án phí HSST và 50.000 đồng án phí DSST. Qua xác minh, đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 3/1997, án phí HSST, án phí DSST, được miễn thi hành án khoản sung công quỹ.

- Bản án số 02/HSPT ngày 26/01/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, thời hạn tù tính từ ngày 12/08/1998, 50.000 đồng án phí HSPT. Qua xác minh, đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 8/1999, được miễn án phí.

- Bản án số 1617/HSPT ngày 29/08/2000 của Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân Tối cao. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 14/02/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về hình phạt tù, xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, thời hạn tù tính từ ngày 01/10/1999, bỏ hình phạt quản chế đối với Nguyễn Ngọc Đ, Đồng phải chịu 50.000 đồng án phí HSPT. Qua xác minh đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 10/2002, được miễn án phí và tiền sung công quỹ Nhà nước.

- Bản án số 22/HSPT ngày 11/06/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2003. Qua xác minh đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 7/2005, được miễn án phí.

- Bản án số 43/HSST ngày 13/04/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 24 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2005. Qua xác minh, chấp hành xong hình phạt tù tháng 12/2007, án phí chấp hành xong ngày 30/10/2006.

- Bản án số 167/2011/HSST ngày 25/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Xử phạt Nguyễn Ngọc Đ 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 28/06/2011. Qua xác minh đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 9/2018; chấp hành xong án phí và tiền sung quỹ Nhà nước năm 2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/02/2023 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:** Chị Mai Thị Thanh Q, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số nhà 92, đường D, tổ 14, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

***Người làm chứng:**

- Anh Hà Minh Đ, sinh năm 1981; nơi thường trú: Số nhà 35/4, tổ 10, phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện tại: Số nhà 07/4, ngõ 02, đường T, tổ 01, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1997; nơi thường trú: Thôn S, xã C, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/02/2023, Nguyễn Ngọc Đ đi xe đạp mi ni từ nhà đến khu vực chợ Tiền Phong, thuộc địa phận tổ 19-20, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến nơi, Đông quan sát thấy trước cửa số nhà 75, đường Bùi Sỹ Tiêm, thuộc tổ 19-20, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình có 01 chiếc xe máy điện VinFast màu trắng, trên bụng của xe điện có để 01 chiếc cặp giả da màu đen của chị Mai Thị Thanh Q. Quan sát xung quanh không có người trông giữ tài sản, Đông tiến lại gần dùng tay phải lấy chiếc cặp trên bỏ vào giỏ xe đạp của Đông rồi đi đến khu vực bờ đê sông Trà Lý, thuộc phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình thì dừng lại. Tại đây Đông mở cặp ra để kiểm tra, bên trong có 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng, một quyển sổ giáo án và 03 cọc tiền gồm các mệnh giá 500.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng. Đông kiểm đếm được tổng cộng là 12.000.000 đồng, kiểm tra chiếc điện thoại thấy không cài mật khẩu màn hình nên Đông tháo chiếc SIM trong điện thoại ném xuống sông, rồi bỏ điện thoại và tiền vào túi áo đang mặc, còn chiếc cặp da, quyển sổ giáo án Đông đem ném xuống sông. Sau đó Đông về nhà bạn là Hà Minh Đ ở phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Tại đây Đông nói với Đ là nhặt được chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max ở ven đường và đưa cho Đ mượn để dùng.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 14/02/2023 chị Mai Thị Thanh Q đã đến Công an phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình trình báo.

Kết luận định giá tài sản số 08/A/KL - HĐĐGTS ngày 16/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình kết luận: Giá trị tài sản tại thời điểm định giá ngày 10/02/2023 là 8.300.000 đồng, trong đó 01 điện thoại di động trị giá 8.000.000 đồng; 01 cặp xách giả da trị giá 300.000 đồng.

- Kết luận giám định số 234/KL-KTHS ngày 03/03/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: 01 tệp tin vi deo, định dạng AVI, dung lượng 90175KB, thời lượng 00 phút 52 giây được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Kington DT101 G2, vỏ màu đỏ có móc treo bằng kim loại, loại dung lượng 8GB gửi giám định không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT – VKSTPTB ngày 19/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Ngọc Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã mô tả. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Ngọc Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều

173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/02/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị tài sản đã chiếm đoạt, chưa bồi thường là 12.070.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị hại số tiền 230.000 đồng, trả lại cho bị cáo 01 xe đạp mini khung màu nâu nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu xanh rêu, trên mũ có chữ COOLBIT; 01 áo khoác vải màu đen, có mũ, ở giữa lưng áo có sọc trắng đỏ; 01 khẩu trang vải kẻ karo màu xanh đen trắng; 01 đôi giày da màu đen trắng quản lý của bị cáo. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Q 01 chiếc điện Iphone11 Pro Max vỏ màu vàng.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận về hình phạt cũng như các vấn đề khác.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và còn được chứng minh bằng đơn trình báo của bị hại, Biên bản xác minh địa điểm, truy tìm vật chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định: nên khoảng 17 giờ 10 phút ngày 10/02/2023, tại khu vực trước cửa số nhà 75, đường Bùi Sỹ Tiêm, thuộc tổ 19-20, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình Nguyễn Ngọc Đ có hành vi trộm cắp 01 chiếc cặp giả da, bên trong có số tiền 12.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone11 Pro Max của chị Mai Thị Thanh Q, trị giá 8.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 20.300.000 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho người dân trong việc quản lý tài sản, ảnh hưởng đến an ninh trật

tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vì không chịu lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Tài sản bị cáo trộm cắp trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân rất xấu nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai báo thành khẩn, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình. Tuy nhiên, bị cáo đã nhiều lần bị kết án nhưng vẫn không chịu cải tạo, tu dưỡng bản thân nên cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa mới có tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max đã được thu hồi và trả cho chị Q nên bị cáo không phải bồi thường, đối với số tài sản chưa thu hồi được gồm 11.770.000 đồng và 01 chiếc cặp giả da có tổng giá trị là 12.070.000 đồng cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

[6] Trong vụ án này, sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo đến nhà Hà Minh Đ, đưa điện thoại trộm cắp được cho Đ mượn và nói với Đ chiếc điện thoại bị cáo nhặt được ở ven đường, Đ không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Hà Minh Đ.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện Iphone 11 Pro Max vỏ màu vàng là tài sản bị cáo trộm cắp của chị Q nên ngày 28/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Q nên không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền 230.000 đồng là tiền bị cáo trộm cắp của chị Q còn lại nên trả cho chị Q. Đối với 01 xe đạp mini khung màu nâu quản lý của bị cáo không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 mũ lưỡi trai màu xanh rêu, trên mũ có chữ COOLBIT; 01 áo khoác vải màu đen, có mũ, ở giữa lưng áo có sọc trắng đỏ; 01 khẩu trang vải kẻ caro màu xanh đen trắng; 01 đôi giày da màu đen trắng của bị cáo, bị cáo không có nguyện vọng nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 46; 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/02/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phải bồi thường cho chị Mai Thị Thanh Q số tiền 12.070.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Mai Thị Thanh Q số tiền 230.000 đồng. Trả lại cho bị cáo 01 xe đạp mini khung màu nâu nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu xanh rêu, trên mũ có chữ COOLBIT; 01 áo khoác vải màu đen, có mũ, ở giữa lưng áo có sọc trắng đỏ; 01 khẩu trang vải kẻ caro màu xanh đen trắng; 01 đôi giày da màu đen trắng.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, ngày 20/4/2023).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 603.000 đồng (Sáu trăm linh ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2023). Chị Mai Thị Thanh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CATP Thái Bình;
- Nhà tạm giữ CATP Thái Bình/Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền